TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/KDTM-ST
Ngày: 23-4-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Em
2. Ông Nguyễn Hòa Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Ngọc Đức – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Bà Trần Thị Hồng Gấm - Kiểm sát viên

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 27/2017/TLST-KDTM ngày 12 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2019/QĐST- KDTM ngày 28 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V; Địa chỉ trụ sở: đường X, Phường Y, Thành phố Z, tỉnh Q

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng: Ông Nguyễn Thanh N- Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc Ng, sinh năm 1988; Địa chỉ liên lạc: đường M, Phường N, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh; Là người đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 121/2017/UQ-VB ngày 09/8/2017 (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Công Ty trách nhiệm hữu hạn H; Địa chỉ trụ sở: đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hải P, sinh năm 1980 – Chức vụ: Giám đốc; Địa chỉ: đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1950 (Vắng mặt)
- Bà Phùng Thị Thu H, sinh năm 1957 (Có yêu cầu xét xử vắng mặt)
- Ông Nguyễn Hải P, sinh năm 1980 (Có mặt)
- Ông Nguyễn Phúc H, sinh năm 1981 (Vắng mặt)
- Ông Nguyễn Huy A, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 4 năm 2017 và tại các bản tự khai, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (Sau đây gọi là Ngân hàng) có ông Trần Quốc Ng là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 13/01/2012, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và Công Ty trách nhiệm hữu hạn H ký kết Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số PĐS.TC.01151010.02 với nội dung cụ thể như sau: Số tiền vay là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ), thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày 16/01/2012 đến ngày 16/7/2012, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh, Lãi suất 22,5%/năm, được cố định trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu, lãi suất vay được điều chỉnh 01 tháng/lần theo công thức: lãi suất vay = lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 9%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Cùng ngày 13/01/2012 hai bên ký Phụ lục hợp đồng hạn mức cấp tín dụng PĐS.TC.01151010.02/PLCC – 01, nội dung Phụ lục là thay đổi hạn mức tín dụng. Ngày 15/11/2013, hai bên tiếp tục ký kết Phụ lục hợp đồng tín dụng số PĐS.TC.01151010.02/PLCC – 01, nội dung Phụ lục để gia hạn nợ từ ngày 30/9/2013 đến ngày 02/11/2014 và điều chỉnh lãi suất. Sau đó, vào tháng 11/2014 hai bên ký Phụ lục hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số PĐS.TC.01151010.02/PLCC – 02, nội dung Phụ lục này để gia hạn nợ từ ngày 02/11/2014 đến ngày 02/11/2019 và điều chỉnh lãi suất.

Thực hiện hợp đồng, ngày 16/01/2012 Ngân hàng đã giải ngân theo Khế ước nhận nợ số PĐS.TC.01151010.02/KUNN-01 với số tiền 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu)

Để đảm bảo cho khoản vay trên, công ty H đã thế chấp cho Ngân hàng các tài sản sau đây:

1. Quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở tọa lạc tại địa chỉ đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở số vào sổ: 02064/2003 do UBND Quận 7,

TPHCM cấp ngày 08/07/2003, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 19/9/2003; Chủ sở hữu: ông Nguyễn Văn Nhiên và bà Phùng Thị Thu Hồng.

2. Nhà và đất tọa lạc tại đường K, huyện N (cũ) theo Giấy chứng nhận nhà tự cất số 238/CN UB do UBND huyện N cấp ngày 29/7/1994 thuộc sở hữu của ông Phùng Hoàng K và bà Phan Thị Mỹ H.

3. 02 xe tải Ben hiệu Huyndai (Giấy đăng ký xe ô tô số 029038 do Công an TPHCM cấp ngày 06/4/2010, biển số đăng ký 57M – 1524, số máy D6AC-9183906, số khung KMCDB18CPAC038879 và Giấy đăng ký xe ô tô số 028526 do Công an TPHCM cấp ngày 19/3/2010, biển số đăng ký 57M – 1507, số máy D6AC-9183530, số khung KMCDB18CPAC038878) thuộc sở hữu của công ty H

4. 01 chiếc xà lan đặt cẩu không tự hành (Giấy chứng nhận đăng ký xe phương tiện thủy nội địa số 7663/ĐK, số đăng ký SG.2813 do Sở Giao thông vận tải TPHCM cấp ngày 15/9/2010) thuộc sở hữu của công ty H.

5. Tài sản bổ sung khoản phải thu của Công ty P tại thời điểm 31/12/2011.

Tuy nhiên, Ngân hàng đã giải chấp các tài sản gồm Nhà và đất tọa lạc tại đường K, huyện N (cũ) theo Giấy chứng nhận nhà tự cất số 238/CN UB do UBND huyện N cấp ngày 29/7/1994 thuộc sở hữu của ông Phùng Hoàng K và bà Phan Thị Mỹ H; 02 xe tải Ben hiệu Huyndai và 01 chiếc xà lan đặt cẩu không tự hành cho Công tyH. Do vậy, hiện nay để đảm bảo cho khoản vay Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số PĐS.TC.01151010.02 ngày 13/01/2012 chỉ còn 01 tài sản là Quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở tọa lạc tại địa chỉ đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở số vào sổ: 02064/2003 do UBND Quận 7, TPHCM cấp ngày 08/07/2003, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 19/9/2003 cho bà Phùng Thị Thu H theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số PĐS.HĐTC.01191211 ngày 13/01/2012 tại Văn phòng công chứng Trung Tân TPHCM, số công chứng 000342, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật

Sau khi vay, chỉ thanh toán tiền gốc là 1.836.302.098 (Một tỷ tám trăm ba mươi sáu triệu ba trăm lẻ hai ngàn không trăm chín mươi tám) đồng, tiền lãi là 845.018.198 (Tám trăm bốn mươi lăm triệu không trăm mười tám ngàn một trăm chín mươi tám) đồng. Từ sau ngày 09/11/2012, Công ty H đã vi phạm Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số PĐS.TC.01151010.02 ngày 13/01/2012, số nợ trên đã quá hạn nhưng công ty vẫn không trả nợ như đã cam kết.

Nay, nguyên đơn khởi kiện Công ty TNHH H yêu cầu thanh toán tổng số tiền tính đến hết ngày 23/4/2019 là 1.626.138.251 (Một tỷ sáu trăm hai mươi sáu triệu một trăm ba mươi tám ngàn hai trăm năm mươi mốt) đồng, trong đó số tiền gốc là 663.697.902 (Sáu trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm chín mươi bảy ngàn chín trăm lẻ hai) đồng, số tiền lãi trong hạn là 577.000.359 (Năm trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm năm mươi chín) đồng, số tiền lãi quá hạn là 385.439.990 (Ba

trăm tám mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi chín ngàn chín trăm chín mươi) đồng. Tất cả trả làm 01 (Một) lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, kể từ ngày 24/4/2019 Công ty TNHH H còn phải trả cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh trên dư nợ vốn với mức lãi suất theo thỏa thuận tại Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số PĐS.TC.01151010.02 ngày 13/01/2012 và các Phụ lục hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay

Trường hợp Công Ty không có khả năng trả nợ khoản vay trên thì đề nghị Tòa án cho nguyên đơn được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở tọa lạc tại địa chỉ đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở số vào sổ: 02064/2003 do UBND Quận 7, TPHCM cấp ngày 08/07/2003, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 19/9/2003 cho bà Phùng Thị Thu H theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số PĐS.HĐTC.01191211 ngày 13/01/2012 để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, ông Trần Quốc Ng là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần V vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên. Ngoài ra, ông có ý kiến sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì Công ty H có quyền làm đơn đề nghị Ngân hàng gia hạn thời hạn trả nợ và bỏ tất cả khoản lãi, khi đó Ngân hàng sẽ tiếp tục xem xét cho Công ty.

* Bị đơn, Công ty TNHH H (Sau đây gọi là Công ty) có ông Nguyễn Hải P là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Ông xác nhận Công ty có ký hợp đồng vay vốn với Ngân hàng TMCP V theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số PĐS.TC.01151010.02 ngày 13/01/2012, Phụ lục hợp đồng tín dụng số PĐS.TC.01151010.02/PLCC – 01 ngày 13/01/2012, Phụ lục hợp đồng tín dụng số PĐS.TC.01151010.02/PLCC – 01 ngày 15/11/2013, Phụ lục hợp đồng tín dụng số PĐS.TC.01151010.02/PLCC – 02 tháng 11/2014, nội dung hợp đồng cụ thể như sau: Số tiền vay là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ), thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày 16/01/2012 đến ngày 16/7/2012, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh, Lãi suất 22,5%/năm, được cố định trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu, lãi suất vay được điều chỉnh 01 tháng/lần theo công thức: lãi suất vay = lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 9%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Cùng ngày 13/01/2012 hai bên ký Phụ lục hợp đồng hạn mức cấp tín dụng PĐS.TC.01151010.02/PLCC – 01, nội dung Phụ lục là thay đổi hạn mức tín dụng. Ngày 15/11/2013, hai bên tiếp tục ký kết Phụ lục hợp đồng tín dụng số PĐS.TC.01151010.02/PLCC – 01, nội dung Phụ lục để gia hạn nợ từ ngày 30/9/2013 đến ngày 02/11/2014 và điều chỉnh lãi suất. Sau đó, vào tháng 11/2014 hai bên ký Phụ lục hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số

PĐS.TC.01151010.02/PLCC – 02, nội dung Phụ lục này để gia hạn nợ từ ngày 02/11/2014 đến ngày 02/11/2019 và điều chỉnh lãi suất.

Thực hiện hợp đồng, ngày 16/01/2012 Công ty đã được Ngân hàng giải ngân theo Khế ước nhận nợ số PĐS.TC.01151010.02/KUNN-01 với số tiền 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu)

Đối với tài sản đảm bảo cho khoản vay Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số PĐS.TC.01151010.02 ngày 13/01/2012, công ty xác nhận như phần trình bày của ngân hàng là đã nhận lại 03 tài sản, chỉ còn thế chấp 01 tài sản là Quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở tọa lạc tại địa chỉ đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở số vào sổ: 02064/2003 do UBND Quận 7, TPHCM cấp ngày 08/07/2003, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 19/9/2003 cho bà Phùng Thị Thu H.

Công ty xác nhận mới chỉ thanh toán tiền gốc là 1.836.302.098 (Một tỷ tám trăm ba mươi sáu triệu ba trăm lẻ hai ngàn không trăm chín mươi tám) đồng, tiền lãi là 845.018.198 (Tám trăm bốn mươi lăm triệu không trăm mười tám ngàn một trăm chín mươi tám) đồng.

Nay, nguyên đơn yêu cầu công ty thanh toán tổng số tiền tính đến hết ngày 23/4/2019 là 1.626.138.251 (Một tỷ sáu trăm hai mươi sáu triệu một trăm ba mươi tám ngàn hai trăm năm mươi mốt) đồng, trong đó số tiền gốc là 663.697.902 (Sáu trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm chín mươi bảy ngàn chín trăm lẻ hai) đồng, số tiền lãi trong hạn là 577.000.359 (Năm trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm năm mươi chín) đồng, số tiền lãi quá hạn là 385.439.990 (Ba trăm tám mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi chín ngàn chín trăm chín mươi) đồng, ông đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho ông thanh toán dứt điểm tiền gốc 663.697.902 đồng (sáu trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm chín mươi bảy ngàn chín trăm lẻ hai) và đề nghị Ngân hàng bỏ tiền lãi quá hạn và lãi phạt.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Hải P vẫn giữ nguyên ý kiến ông sẽ thanh toán dứt điểm tiền gốc 663.697.902 đồng (sáu trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm chín mươi bảy ngàn chín trăm lẻ hai) và đề nghị Ngân hàng bỏ tiền lãi quá hạn và lãi phạt, ông sẽ thanh toán dứt điểm tiền gốc trong thời hạn 07 (Bảy) ngày kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/5/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Văn Nh trình bày :

Ông Nguyễn Hải P – người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH H là con trai của ông và cùng cư trú tại đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh đồng thời là địa chỉ trụ sở của công ty. Bà Phùng Thị H là vợ của ông.

Ông xác nhận ông và bà H có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số PĐS.HĐTC.01191211 ngày

13/01/2012 với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín để thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở tọa lạc tại địa chỉ đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở số vào sổ: 02064/2003 do UBND Quận 7, TPHCM cấp ngày 08/07/2003, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 19/9/2003 cho bà Phùng Thị Thu H để đảm bảo khoản vay cho Công ty TNHH H.

Nay, do Công ty kinh doanh khó khăn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số PĐS.TC.01151010.02 ngày 13/01/2012, ông đề nghị Ngân hàng cho Công ty thời gian thu xếp để thanh toán dứt điểm khoản nợ trên, trường hợp Công ty không có khả năng thanh toán thì ông cũng đồng ý phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số PĐS.HĐTC.01191211 ngày 13/01/2012 để trả nợ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Phùng Thị Thu H, ông Nguyễn Phúc H, ông Nguyễn Huy A đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 20/12/2018, 08/01/2019 và 28/02/2019 nhưng các ông bà trên không đến làm việc và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H, ông H, ông A. Tòa án cũng tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2019/QĐST- KDTM ngày 28 tháng 3 năm 2019 nhưng ông Nh, bà H, ông H, ông A vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, TP. Hồ Chí Minh:

- Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự: về thẩm quyền; quan hệ tranh chấp; xác định tư cách người tham gia tố tụng; lập hồ sơ vụ án, thu thập chứng cứ; hòa giải. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định theo điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn, bị đơn, người đại diện hợp pháp, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 71, 72, 73, 75 và Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Căn cứ các Điều 355, 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự 2005; Căn cứ Điều 91 của Luật tổ chức tín dụng

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty TNHH H thanh toán số tiền còn nợ là 1.626.138.251 (Một tỷ sáu trăm hai mươi sáu triệu một trăm ba mươi tám ngàn hai trăm năm mươi mốt) đồng. Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" là loại tranh chấp được quy định tại Khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mã số doanh nghiệp 0308232349, đăng ký lần đầu ngày 10/4/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 10/01/2014 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp thì Công ty TNHH H có trụ sở tại đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ theo Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Nh bà Phùng Thị Thu H, ông Nguyễn Phúc H, ông Nguyễn Huy A được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án.

Theo kết quả trả lời Phiếu yêu cầu xác minh số 328/2018/PYCXM ngày 13/8/2018 của Công an phường B, Quận C thì: *"Ông Nguyễn Văn Nh bà Phùng Thị Thu H, ông Nguyễn Hải P, ông Nguyễn Phúc H, ông Nguyễn Huy A có hộ khẩu thường trú và cư ngụ tại địa chỉ đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh"*.

Đối với bà Phùng Thị Thu H có Đơn yêu cầu vắng mặt trong các buổi làm việc giải quyết vụ kiện trên nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với ông Nguyễn Văn Nh mặc dù có đến Tòa để cho biết ý kiến đối với vụ kiện trên nhưng sau đó ông vắng mặt không lý do trong các buổi làm việc tại Tòa. Trên cơ sở tài liệu đã xác minh, Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng như Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Nh, ông H và ông A. Như vậy, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt mặc dù Tòa án triệu tập hợp lệ, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Văn Nh, ông Nguyễn Phúc H, ông Nguyễn Huy A theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V khởi kiện Công ty TNHH H yêu cầu thanh toán tổng số tiền tính đến hết ngày 23/4/2019 là 1.626.138.251 (Một tỷ sáu trăm hai mươi sáu triệu một trăm ba mươi tám ngàn hai trăm năm mươi mốt) đồng, trong đó số tiền gốc là 663.697.902 (Sáu trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm chín mươi bảy ngàn chín trăm lẻ hai) đồng, số tiền lãi trong hạn là 577.000.359 (Năm trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm năm mươi chín) đồng, số tiền lãi quá hạn là 385.439.990 (Ba trăm tám mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi chín ngàn chín trăm chín mươi) đồng.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[4.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền gốc là 663.697.902 đồng (Sáu trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm chín mươi bảy ngàn chín trăm lẻ hai)

Căn cứ Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số PĐS.TC.01151010.02 ngày 13/01/2012, Phụ lục hợp đồng tín dụng số PĐS.TC.01151010.02/PLCC – 01 ngày 13/01/2012, Phụ lục hợp đồng tín dụng số PĐS.TC.01151010.02/PLCC – 01 ngày 15/11/2013, Phụ lục hợp đồng tín dụng số PĐS.TC.01151010.02/PLCC – 02 tháng 11/2014 và Khế ước nhận nợ số PĐS.TC.01151010.02/KUNN-01 ngày 16/01/2012 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V với Công ty TNHH H, thì Ngân hàng đã giải ngân số tiền là 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu), thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày 16/01/2012 đến ngày 16/7/2012, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh.

Tại phiên tòa, các bên đều thừa nhận sau khi vay Công ty H chỉ thanh toán cho Ngân hàng tiền gốc là 1.836.302.098 (Một tỷ tám trăm ba mươi sáu triệu ba trăm lẻ hai ngàn không trăm chín mươi tám) đồng, tiền lãi là 845.018.198 (Tám trăm bốn mươi lăm triệu không trăm mười tám ngàn một trăm chín mươi tám) đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng do công ty H gặp khó khăn trong kinh doanh nên ngày 13/4/2013 các bên có làm biên bản thỏa thuận theo đó Ngân hàng đồng ý để công ty H chậm nhất là ngày 30/9/2013 phải thanh toán toàn bộ tiền gốc và lãi. Sau đó vào ngày 15/11/2013 các bên ký tiếp Phụ lục hợp đồng tín dụng với nội dung Ngân hàng chấp nhận gia hạn nợ từ ngày 30/9/2013 đến ngày 02/11/2014 và Phụ lục Hợp đồng tín dụng để gia hạn nợ từ ngày 02/11/2014 đến ngày 02/11/2019. Tuy nhiên, sau thời gian trên mặc dù Ngân hàng có thông bác nhắc nợ nhiều lần nhưng Công ty vẫn không thanh toán. Phía Công Ty đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho công ty thanh toán dứt điểm tiền gốc 663.697.902 đồng (sáu trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm chín mươi bảy ngàn chín trăm lẻ hai) và đề nghị Ngân hàng bỏ tiền lãi quá hạn và lãi phạt.

Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy đối với yêu cầu Công ty H thanh toán cho Ngân Hàng số tiền gốc 663.697.902 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[4.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền lãi trong hạn là 577.000.359 (Năm trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm năm mươi chín) đồng, số

tiền lãi quá hạn là 385.439.990 (Ba trăm tám mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi chín ngàn chín trăm chín mươi) đồng.

Do Công ty vi phạm nghĩa vụ thanh toán sau khi đã được Ngân hàng thỏa thuận gia hạn thời hạn trả nợ nên ngày 19/7/2016, Ngân hàng đã có Thông báo về việc chuyển nợ quá hạn số 03.07/TB-VB.DSE và ngày 29/9/2016 Ngân hàng đã có Thông báo về việc xử lý nợ quá hạn số 01-09/TB-VB.DSE đến Công ty H.

Xét thấy: Căn cứ vào thỏa thuận của các bên đã ký trong Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, Phụ lục Hợp đồng và Khế ước nhận nợ thì hai bên có thỏa thuận:

"Lãi suất vay: 22.5%/năm, được cố định trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu. Lãi suất vay được điều chỉnh 01 tháng 1 lần theo công thức: Lãi suất vay = lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ tại thời điểm điều chỉnh+ biên độ 9%/năm

Lãi suất quá hạn: 150% lãi trong hạn"

Tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: *"Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng*", ngoài ra tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".* Vì Ngân hàng V có chức năng hoạt động tín dụng nên phần lãi suất tuy cao hơn so với quy định và mức lãi suất tính đúng theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với các quy định tại khoản 16 Điều 4 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi là phù hợp với Hợp đồng tín dụng đã ký kết và Luật các Tổ chức tín dụng quy định, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Ngoài ra, kể từ ngày 24/4/2019 Công ty H còn phải thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số PĐS.TC.01151010.02 ngày 13/01/2012 và các Phụ lục hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ.

Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng không yêu cầu Công ty H phải trả tiền lãi phạt.

[4.3] Về thời hạn trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và nợ lãi tất cả trả làm 01 (Một) lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán về nợ gốc, lãi nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4.4] Đối với tài sản thế chấp:

Tại phiên tòa, các bên đều xác nhận Công ty H đã nhận lại các tài sản sau: Nhà và đất tọa lạc tại số đường K, huyện N (cũ) theo Giấy chứng nhận nhà tự

cất số 238/CN UB do UBND huyện Nhà Bè cấp ngày 29/7/1994 thuộc sở hữu của ông Phùng Hoàng K và bà Phan Thị Mỹ H, 02 xe tải Ben hiệu Huyndai và 01 chiếc xà lan đặt cẩu không tự hành.

Do vậy, hiện nay để đảm bảo cho khoản vay của Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số PĐS.TC.01151010.02 ngày 13/01/2012 chỉ còn 01 tài sản là Quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở tọa lạc tại địa chỉ đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở số vào sổ: 02064/2003 do UBND Quận 7, TPHCM cấp ngày 08/07/2003, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 19/9/2003 cho bà Phùng Thị Thu H theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số PĐS.HĐTC.01191211 ngày 13/01/2012 tại Văn phòng công chứng Trung Tân TPHCM, số công chứng 000342, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật

Trong trường hợp công ty H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Xét, yêu cầu này là phù hợp với pháp luật, để bảo đảm cho việc thu hồi khoản nợ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do bị đơn có nghĩa vụ phải trả nợ cho nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền phải trả theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 28.521.845 (Hai mươi tám triệu năm trăm hai mươi mốt ngàn tám trăm bốn mươi lăm) đồng

[6] Quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại cổ phần V, Công ty TNHH H, ông Nguyễn Văn Nh, bà Phùng Thị Thu H, ông Nguyễn Phúc H, ông Nguyễn Huy A có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng năm 2015;

- Căn cứ Điều 355, Điều 471, Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Nh, bà Phùng Thị Thu H, ông Nguyễn Phúc H, ông Nguyễn Huy A.

2. Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

2.1. Buộc bị đơn Công ty TNHH H phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V tổng số tiền tính đến ngày 23/4/2019 là 1.626.138.251 (Một tỷ sáu trăm hai mươi sáu triệu một trăm ba mươi tám ngàn hai trăm năm mươi mốt) đồng. Tất cả trả làm 01 (Một) lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, kể từ ngày 24/4/2019 Công ty TNHH H còn phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số PĐS.TC.01151010.02 ngày 13/01/2012 và các Phụ lục hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ.

Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng không yêu cầu Công ty H phải trả tiền lãi phạt.

Trường hợp Công ty TNHH H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần V được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở tọa lạc tại địa chỉ đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở số vào sổ: 02064/2003 do UBND Quận 7, TPHCM cấp ngày 08/07/2003, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 19/9/2003 cho bà Phùng Thị Thu H theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số PĐS.HĐTC.01191211 ngày 13/01/2012 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

2.2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Bị đơn Công ty TNHH H phải chịu án phí là 60.784.148 (Sáu mươi triệu bảy trăm tám mươi bốn ngàn một trăm bốn mươi tám) đồng.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần V không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.521.845 (Hai mươi tám triệu năm trăm hai mươi mốt ngàn tám trăm bốn mươi lăm) đồng theo biên lai thu số AA/2012/07837 ngày 12/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

4.Quyền kháng cáo:

Báo cho nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Nh, bà Phùng Thị Thu H, ông Nguyễn Phúc H, ông Nguyễn Huy A vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Đức).

Lê Phương Thảo